fáng kōng dòng

防空洞

noun · air-raid shelter

Example Sentences

Tā men duǒ jìn le fáng kōng dòng
他 们 躲 进 了 防 空 洞 。

They hid in the air-raid shelter.

Zhè ge fáng kōng dòng xiàn zài gǎi chéng le bó wù guǎn
这 个 防 空 洞 现 在 改 成 了 博 物 馆 。

This air-raid shelter has now been turned into a museum.

Trace each character, then write the word on your own.